

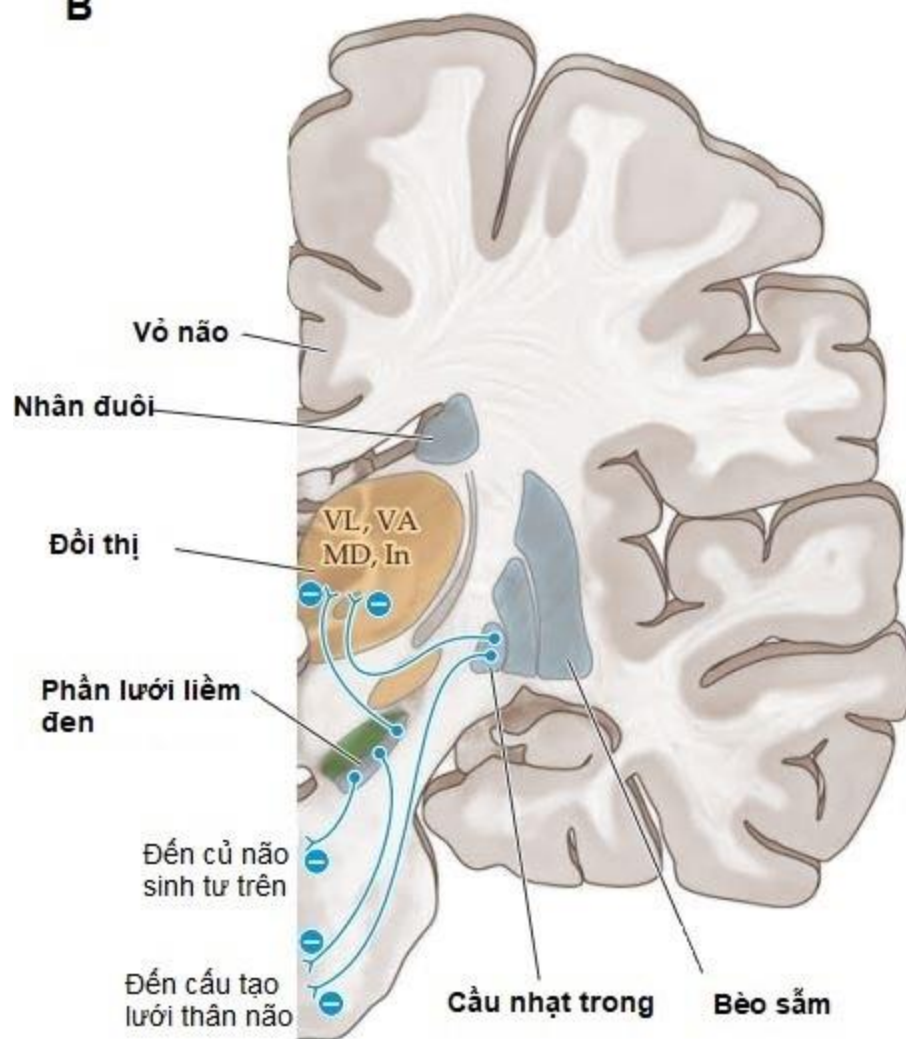
Bệnh Parkinson và các RLVĐ

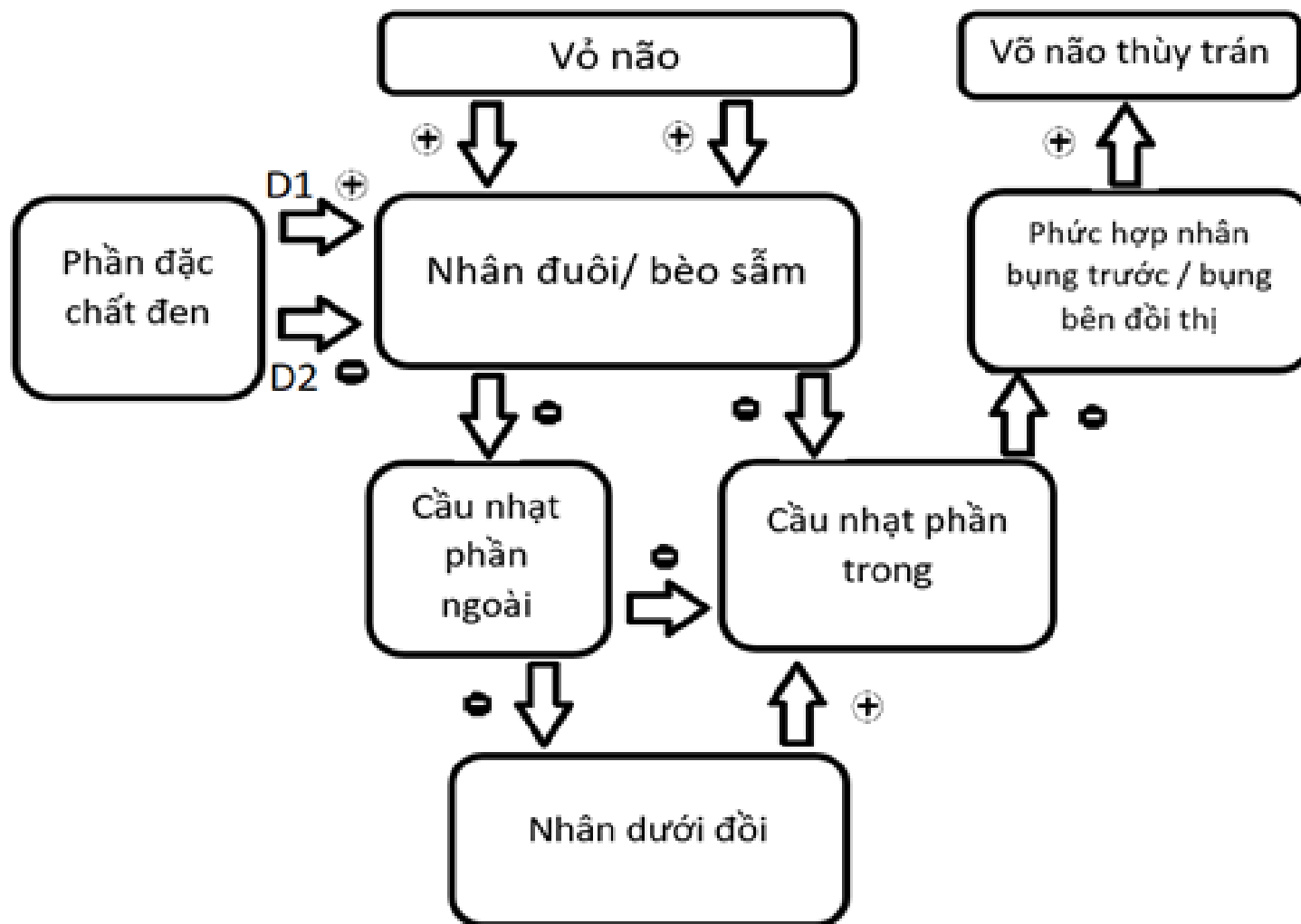
HỆ THẦN KINH

Học phần tốt nghiệp BS Y đa khoa

UMP

B





Con đường trực tiếp và gián tiếp trong sinh bệnh học Parkinson

Triệu chứng rối loạn vận động tăng động

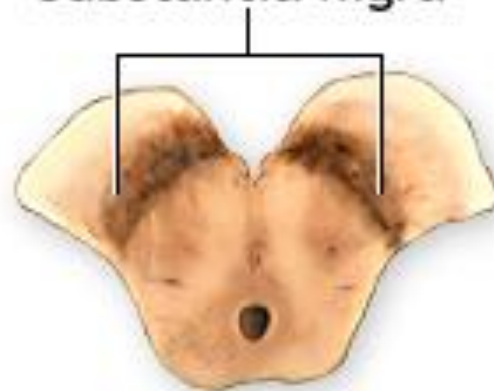
- Run: có nhịp, co luân phiên cơ đồng vận và đối vận, dự đoán được
- Múa giật: không đều, nhanh, không dự đoán được
- Múa vung: vung ném chi, biên độ rộng, nhanh, không dự đoán được
- Múa vờn: chậm, không đều, ngoằn ngoèo, liên tục
- Loạn trương lực cơ: mạnh, duy trì, chậm, vặn vẹo của cơ trục
- Tic: co thắt nhanh, lặp đi lặp lại, định hình, theo thói quen, có thể ức chế
- Giật cơ: giật nhanh, ngắn đột ngột không có nhịp.



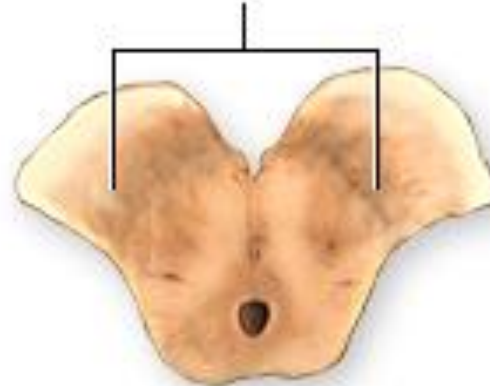
Cut section
of the midbrain
where a portion
of the substantia
nigra is visible



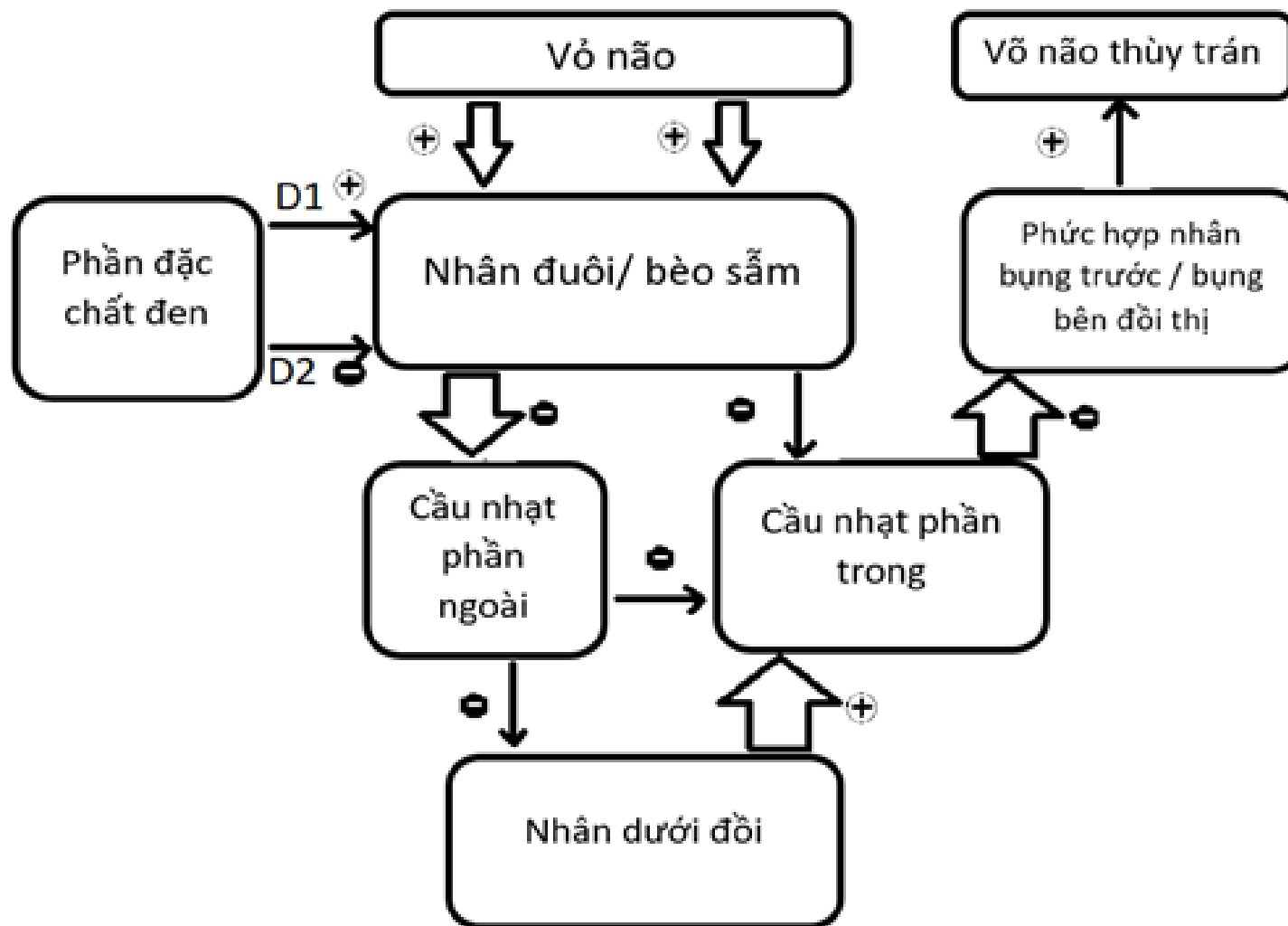
Substantia nigra



Diminished substantia
nigra as seen in
Parkinson's disease



 ADAM.



Cơ chế giảm động

- TRAP



- Tremor: run
- Rigidity: tăng trương lực cơ kiểu ngoại tháp
- Akinesia / Bradykinesia/hypokinesia: chậm vận động/bất động/giảm động
- Postural Instability: bất thường tư thế đứng và dáng đi
- TĂNG ĐỘNG-GIẢM ĐỘNG

Hội chứng Parkinson

- **Bệnh Parkinson (Parkinson's disease)**
- **Hội chứng Parkinson thứ phát**
 - ✓ Mạch máu
 - ✓ Thuốc
 - ✓ Nhiễm trùng (sau viêm não)
 - ✓ Đầu nước áp lực bình thường
 - ✓ Chấn thương
 - ✓ Ngộ độc (CO.Mn..)
- **Hội chứng Parkinson Plus (hội chứng Parkinson không điển hình)**
 - ✓ Hội chứng Parkinson Plus
 - ✓ Liệt trên nhân tiến triển
 - ✓ Thoái hóa vỏ não hạch nền
 - ✓ Teo nhiều hệ thống
 - ✓ Sa sút trí tuệ thể lewy
- **Bệnh lý thoái hóa di truyền**

Bệnh Parkinson

- Tuổi khởi phát
- Khởi phát 1 bên
- Diễn tiến chậm
- Không dấu tháp, tiểu não, Ngoài ra không ghi nhận yếu liệt hay rối loạn cảm giác, không sa sút trí tuệ
- Tiền sử gia đình: chưa ghi nhận bệnh lý gì khác, không ai có bệnh lý tương tự, không dùng thuốc gì gần đây, công việc kinh doanh không có yếu tố phơi nhiễm
- Khám các cơ quan khác bình thường.

CÁC THUỐC ĐIỀU TRỊ

✓ Tăng tổng hợp dopamine

L-dopa (+ chất ức chế men dopadecarboxylase ngoại biên) *Madopar, Sinemet*

✓ Thuốc đồng vận

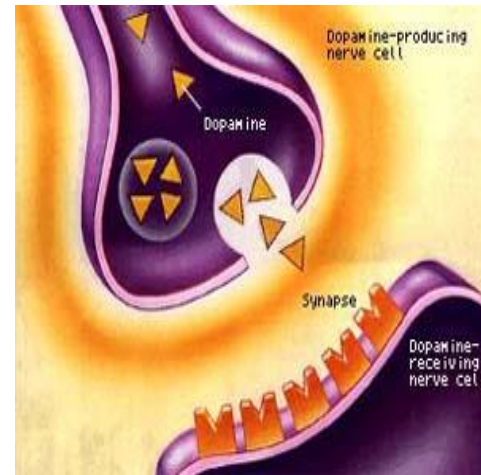
dopamine (*pramipexole, ropinirole, bromocriptine*)

✓ Các thuốc ức chế men

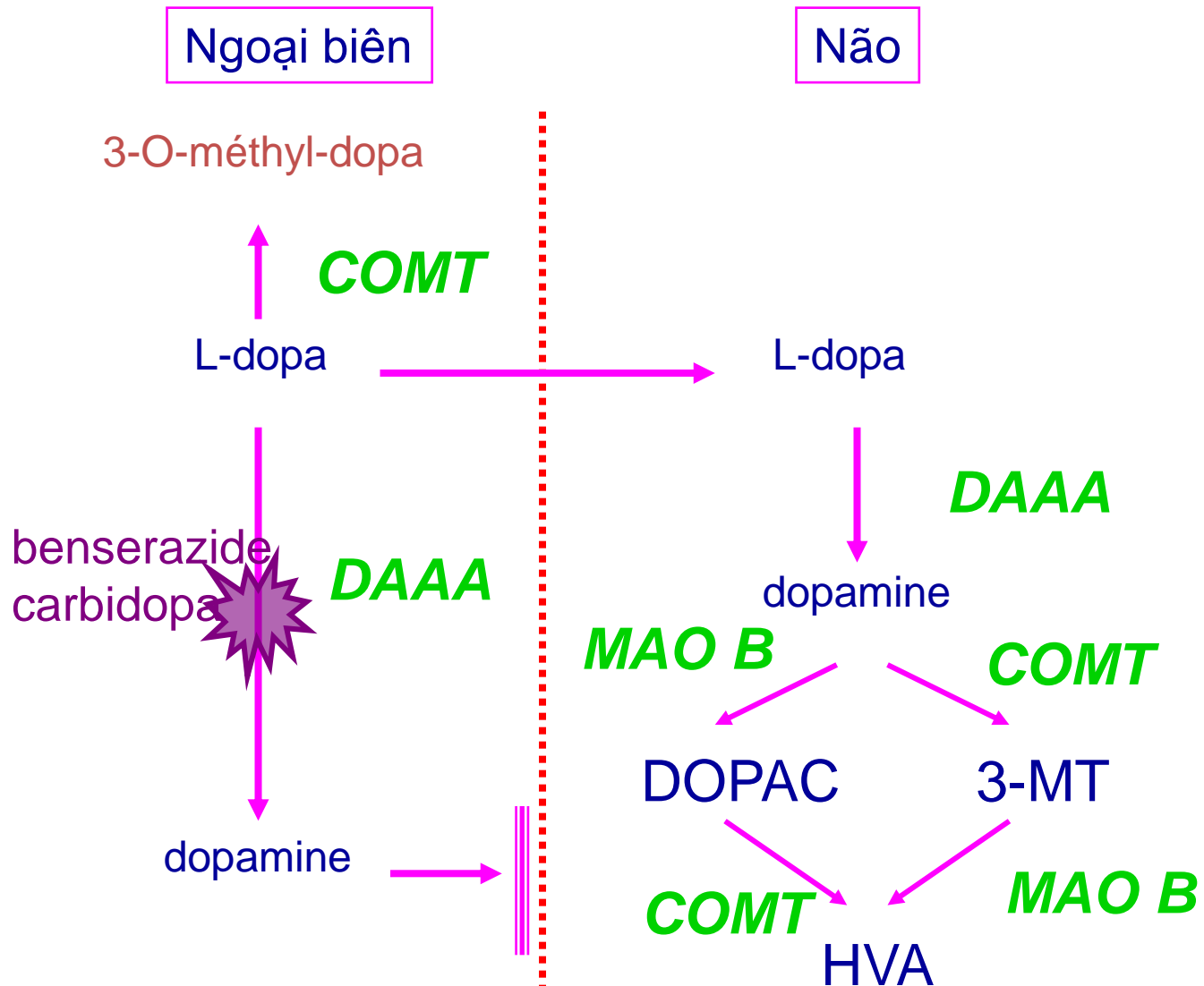
- thuốc ức chế men MAO-B: Selegiline, rasagiline
- thuốc ức chế men COMT: entacapone, tolcapone

✓ Các thuốc khác

- thuốc kháng cholinergique: trihexyphenidyl
- amantadine



Chuyển hóa L-dopa



Các chất ức chế men

